

Số: /QĐ-HVKHXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ  
của Học viện Khoa học xã hội**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam);*

*Căn cứ Công văn 1037/KHXH-TCCB ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực đào tạo của Học viện Khoa học xã hội giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-KHXH ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc giao cho Giám đốc Học viện Khoa học xã hội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ; Quy chế đào tạo tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;*


*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 2888/QĐ-HVKHXH ngày 30 tháng năm 2018 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện khoa học xã hội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Viện Hàn lâm KHXHVN (để b/c);
- Hội đồng Học viện KHXH (để b/c);
- Đảng ủy Học viện KHXH (để b/c);
- Ban Giám đốc (để tổ chức thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. Bùi Nguyễn Khánh**

## QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVKHXH ngày tháng  
năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội (sau đây gọi là Học viện), bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; luận án và đánh giá luận án; công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện, của giảng viên và nghiên cứu sinh (sau đây viết tắt là NCS); thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng, các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Học viện với các cơ sở của nước ngoài do cơ sở nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

##### **Điều 2. Mục tiêu tuyển sinh và đào tạo**

Tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ có trình độ cao về kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học xã hội và nhân văn; có năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn.

### **Điều 3. Hình thức, địa điểm và ngôn ngữ đào tạo**

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy tại trụ sở chính số 477 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội hoặc các Cơ sở Học viện (Phân hiệu) khi đáp ứng đủ các điều kiện về đảm bảo chất lượng do Giám đốc Học viện quyết định trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, điền dã và các hoạt động thực tế khác hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ngoài cơ sở đào tạo. Nghiên cứu sinh phải dành thời gian học tập, nghiên cứu tại Học viện theo kế hoạch đã được phê duyệt và khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Việt.

## **Chương II TUYỂN SINH**

### **Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh là xét tuyển, việc lựa chọn hình thức xét tuyển trực tiếp hoặc trực tuyến do Giám đốc Học viện quyết định căn cứ vào tình hình thực tiễn tuyển sinh.

Xét tuyển trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng đủ những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

2. Thời gian tuyển sinh: Học viện tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ từ một đến nhiều lần trong một năm. Căn cứ tình hình thực tiễn tuyển sinh và điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo, Giám đốc Học viện quyết định cụ thể số lần tuyển sinh, kế hoạch và thời gian tuyển sinh trình độ tiến sĩ của từng năm.

Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc Học viện trình Hội đồng Học viện, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo về những thay đổi trong kế hoạch tuyển sinh (nếu có).

### **Điều 5. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù

hợp, hoặc có bằng tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp có bằng đại học ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển, sau khi trúng tuyển, NCS phải học các học phần bổ sung theo quy định.

Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ được Giám đốc Học viện phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa và Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện.

Trường hợp tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở nước ngoài cấp phải công chứng bằng tiếng Việt và nộp kèm Văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ dự tuyển.

3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc là tác giả 01 bài báo, báo cáo khoa học thuộc chuyên ngành dự tuyển đã công bố; hoặc có thời gian công tác 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở nước ngoài, phân hiệu của cơ sở nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng

Nhật Bản, Tiếng Hàn Quốc) tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu là bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Học viện quy định.

a) Nộp đầy đủ hồ sơ dự tuyển, có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm). Đối với người chưa có việc làm cần có xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật của địa phương nơi cư trú;

b) Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện;

c) Đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu khoa học.

7. Hồ sơ dự tuyển được quy định cụ thể trong Bộ thủ tục hành chính về hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội.

### **Điều 6. Thông báo tuyển sinh**

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Học viện ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh và được niêm yết tại địa điểm tuyển sinh của Học viện; gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan và đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Nội dung của thông báo tuyển sinh bao gồm những thông tin: đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh; thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo của Học viện.

### **Điều 7. Hội đồng tuyển sinh**

Giám đốc Học viện ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, thành phần gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: Phó Giám đốc Học viện;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo;

d) Các Ủy viên: Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện (bao gồm: Văn phòng, Phòng, Khoa, Trung tâm) liên quan trực tiếp đến kỳ thi;

Những người tham gia dự tuyển và những người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; triển khai tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; giải quyết những khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ tuyển sinh; thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng và kỷ luật theo quy định; báo cáo kết quả tuyển sinh với Hội đồng Học viện, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về xét tuyển nghiên cứu sinh;

- Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch và có trách nhiệm trước xã hội, chọn được ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn đầu vào, có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu theo kế hoạch đào tạo và các hướng nghiên cứu khoa học phù hợp, khả thi theo quy định của Học viện;

- Quyết định thành lập các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Ban Thư ký, Ban Thanh tra, Ban Cơ sở vật chất... và các Tiểu ban chuyên môn theo quy định của pháp luật. Các bộ phận này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;

- Phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch Hội đồng và các Ủy viên.

### **Điều 8. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

- Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các Ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

- Nhận và xử lý hồ sơ dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

- Lập danh sách trích ngang người dự tuyển đủ điều kiện cùng hồ sơ hợp lệ báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi tới các Tiểu ban chuyên môn;

- Tiếp nhận, tổng hợp kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

- Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao;

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho người dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

### **Điều 9. Tiểu ban chuyên môn**

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành/ chuyên ngành và hướng nghiên cứu của người dự tuyển, trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa sẽ gửi văn bản đề xuất các thành viên tham gia các Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn có 5 thành viên do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập, bao gồm: Trưởng tiểu ban, Thư ký và các Ủy viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi về dự định nghiên cứu của người dự tuyển, gửi kết quả (theo mẫu) về Ban Thư ký để tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

## **Điều 10. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua hồ sơ, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ, thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá người dự tuyển trong Thư giới thiệu.

2. Tiểu ban chuyên môn đánh giá bài luận về dự định nghiên cứu kèm dự thảo đề cương; dự thảo kế hoạch học tập, nghiên cứu của người dự tuyển theo trình tự sau:

- Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà Khoa, Bộ môn chuyên ngành đang thực hiện.

- Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá người dự tuyển về các mặt: trình độ chuyên môn, sự rõ ràng về ý tưởng nghiên cứu, tính khả thi trong kế hoạch để đạt được những mong muốn sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và tư chất cần có của một NCS.

- Các thành viên Tiểu ban chuyên môn nhận xét, đánh giá và chấm điểm vào phiếu đánh giá.

3. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kết hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách người dự tuyển theo thứ tự điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả xét tuyển trình Hội đồng tuyển sinh.

4. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc Học viện quyết định cho từng ngành và kết quả xếp loại, Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách người trúng tuyển, trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

5. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển phải có đầy đủ thông tin bao gồm: Họ và tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

### **Điều 11. Triệu tập người trúng tuyển**

1. Căn cứ kết quả trúng tuyển đã được Giám đốc Học viện phê duyệt, Phòng Quản lý Đào tạo công bố danh sách người trúng tuyển trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, gửi giấy gọi nhập học đến người trúng tuyển.

2. Phòng Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính và Cơ sở (phân hiệu) của Học viện tại thành phố Đà Nẵng, thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) và Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức nhập học cho người trúng tuyển.

3. Sau khi NCS nhập học, Phòng Quản lý đào tạo dự thảo Quyết định giao NCS về Trung tâm đào tạo Khoa học cơ bản và để tổ chức học các học phần chung, dự thảo Quyết định giao NCS về Khoa để tổ chức học các học phần chuyên ngành trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

### **Điều 12. Tổng kết và báo cáo công tác tuyển sinh**

Sau khi công bố kết quả trúng tuyển, Phòng Quản lý Đào tạo báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, quyết định khen thưởng, kỷ luật (nếu có) trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Báo cáo được trình bày tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh; gửi báo cáo đến Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương III**

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 13. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thể hiện mục tiêu đào tạo tiến sĩ; quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất đạo đức; phạm vi và cấu trúc nội dung chương trình đào tạo; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả đào tạo. Một chương trình đào tạo chỉ thuộc về một ngành đào tạo cụ thể.

2. Xây dựng chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức, chuẩn đầu ra tối thiểu phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành và theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cấu trúc, khối lượng, chuẩn đầu ra của một chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Tiếp cận có hiệu quả các chương trình đào tạo của các nước tiên tiến để hoàn thiện chương trình đào tạo và phương thức tổ chức, quản lý đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo và hệ thống văn bằng.

#### **Điều 14. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **1. Về kiến thức**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trang bị cho NCS hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện, hàng đầu thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, kiến thức về tổ chức khoa học và phát triển các lĩnh vực nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức về quản trị tổ chức và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

##### **2. Về kỹ năng**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trang bị cho NCS kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

Có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.

Có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

Có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn.

Có kỹ năng tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

##### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

Có khả năng thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác; có khả năng phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

Có trách nhiệm quản lý nghiên cứu và trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quy

trình mới.

**Điều 15. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện, cụ thể như sau:

- 90 tín chỉ đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp; NCS có bằng thạc sĩ ở ngành gần với ngành đào tạo thì phải học các học phần bổ sung theo quy định của Học viện;

-120 tín chỉ đối với người có trình độ đại học cùng nhóm ngành;

Cấu trúc Chương trình bao gồm các phần sau:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung

Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, NCS phải học bổ sung tối thiểu 12 tín chỉ.

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn), gồm:

- Các học phần chung và học phần chuyên ngành gồm 08 tín chỉ, trong đó: các học phần bắt buộc có khối lượng 06 tín chỉ, học phần tự chọn có khối lượng 02 tín chỉ.

- Tiểu luận tổng quan (02 tín chỉ): NCS phải hoàn thành bài Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án.

- Các chuyên đề tiến sĩ (06 tín chỉ): NCS phải hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ, mỗi chuyên đề có khối lượng 02 tín chỉ.

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ (74 tín chỉ);

d) Học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ chiếm tối đa 16 tín chỉ;

e) Học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học chiếm tối thiểu 30 tín chỉ;

2. Khối lượng học tập tối thiểu đối với chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

3. Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ

a) Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo của NCS. Học viện có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phối hợp với các Viện nghiên cứu chuyên ngành thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. NCS phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, nghiêm túc thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

b) Kết quả nghiên cứu khoa học được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Tổng số tín chỉ về nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ chiếm tối thiểu 80% chương trình đào tạo tiến sĩ.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

### **Điều 16. Tổ chức đào tạo**

1. Tổ chức đào tạo được thực hiện theo hình thức chính quy, tại trụ sở chính của Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội hoặc tại các Cơ sở Học viện (Phân hiệu) khi đáp ứng đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng do Giám đốc Học viện quyết định.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội (kể từ khi có Quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh) là 3 năm (36 tháng) đối với người có bằng thạc sĩ và 04 năm (48 tháng) đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

3. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Học viện. Trong trường hợp Học viện không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho NCS thì gửi NCS theo học tại cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo đó và Học viện.

4. Sau khi tiến hành khai giảng, Phòng Quản lý đào tạo phổ biến cho NCS về Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và các quy định khác có liên quan đến quá trình học tập và nghiên cứu của NCS.

5. Học viện Khoa học xã hội tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến thực hiện theo quy định của Học viện.

6. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

#### **Điều 17. Giao đề tài và người hướng dẫn khoa học**

1. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa sẽ gửi văn bản đề xuất, danh sách các thành viên tham gia Hội đồng xác định tên đề tài và giáo viên hướng dẫn khoa học cho NCS. Hội đồng gồm 5 thành viên: Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Thư ký Hội đồng và các Ủy viên Hội đồng có trình độ từ tiến sĩ trở lên, am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

2. Trong thời gian học các học phần chung dành cho NCS, Khoa tổ chức họp Hội đồng xác định tên đề tài và cử người hướng dẫn khoa học cho NCS.

3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xác định tên đề tài, Khoa gửi Công văn và Dự thảo Quyết định giao đề tài, cử người hướng dẫn khoa học cho NCS qua Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

#### **Điều 18. Đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu**

1. Chậm nhất 01 tháng sau khi có Quyết định trúng tuyển NCS phải hoàn thiện và nộp bản đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu khoa học toàn khóa về Khoa (theo mẫu). Bản đăng ký kế hoạch học tập được lập thành 04 bản, Khoa/Bộ môn chuyên ngành lưu 01 bản và Phòng Quản lý đào tạo lưu 01 bản trong hồ sơ gốc của NCS, 01 bản tại Cơ sở Học viện (Phân hiệu) nơi NCS nộp Hồ sơ dự tuyển; NCS giữ 01 bản.

2. Sáu tháng một lần, kể từ khi nộp có Quyết định trúng tuyển NCS, NCS gửi Báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu trong năm, đề xuất về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu (theo mẫu) về Khoa. Báo cáo phải có xác nhận của người hướng dẫn khoa học. NCS không gửi báo cáo đúng hạn coi như không hoàn thành nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. Báo cáo kết quả được thành lập thành 03 bản, Khoa lưu 01 bản và Phòng Quản lý đào tạo lưu 01 bản

trong hồ sơ gốc của NCS, NCS giữ 01 bản.

### **Điều 19. Tổ chức học các học phần bổ sung**

1. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, xác định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung, trình Giám đốc Học viện quyết định.

2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ, các học phần bổ sung được thực hiện trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với NCS có bằng thạc sĩ, các học phần bổ sung được thực hiện nửa đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (tính từ ngày có Quyết định công nhận trúng tuyển NCS).

3. Chậm nhất 01 tháng sau khi nhận Quyết định giao NCS về Khoa, Trưởng Khoa lập danh sách NCS, các học phần bổ sung và Quyết định gửi Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

4. Căn cứ Quyết định phê duyệt của Giám đốc Học viện về các học phần bổ sung, kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và lịch học cụ thể, Khoa thông báo cho NCS lịch học, nghĩa vụ tài chính phải thực hiện và tổ chức cho NCS học các học phần bổ sung theo quy định.

5. Nghiên cứu sinh đăng ký học tập và hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ trong năm học thứ nhất và nửa thời gian đầu năm học thứ hai của thời gian đào tạo.

### **Điều 20. Tổ chức các học phần chung, học phần chuyên ngành ở trình độ tiến sĩ**

#### **1. Tổ chức các học phần chung**

Sau khi có Quyết định giao NCS về Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản, Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản xây dựng lịch học các học phần chung gửi Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản thông báo lịch học cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, giảng viên, NCS và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Học viện. Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo quản lý các lớp học theo quy định.

## 2. Tổ chức các học phần chuyên ngành

Sau khi tổ chức học hết các học phần chung, Khoa chịu trách nhiệm đề xuất lớp học, xây dựng lịch học và các học phần chuyên ngành chuyển đến Phòng Quản lý đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo rà soát, kiểm tra các điều kiện, trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Khoa chuyển lịch học đến Trung tâm Khảo thí, đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo; thông báo cho giảng viên, NCS và đưa lên Cổng thông tin điện tử của Học viện. Trợ lý Khoa phối hợp với Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo quản lý lớp học theo quy định.

3. Đối với những trường hợp hoãn học, hoãn thi, học lại các học phần chung, học phần chuyên ngành, NCS làm đơn (theo mẫu) nộp về Khoa hoặc Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa hoặc Giám đốc Trung tâm Đào tạo Khoa học cơ bản kiểm tra các điều kiện, đề xuất bằng văn bản chuyển đến Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

### **Điều 21. Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

1. Đối với các học phần chung, đánh giá học phần bằng hình thức kiểm tra thường xuyên và làm bài tiểu luận. Đối với các học phần chuyên ngành, đánh giá học phần bằng hình thức kiểm tra thường xuyên và thi hết học phần. Đối với các học phần được tổ chức học bằng hình thức trực tuyến sẽ được đánh giá kiểm tra thường xuyên và thi hết học phần bằng hình thức trực tuyến.

2. Điểm kiểm tra, điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5 điểm. Điểm đánh giá học phần là điểm trung bình có trọng số của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm đánh giá kết thúc học phần. Trọng số của điểm kiểm tra và điểm đánh giá kết thúc học phần được tính như sau: điểm kiểm tra thường xuyên nhân với trọng số 30% và điểm đánh giá kết thúc học phần nhân với trọng số 70%.

3. Học phần chung và học phần chuyên ngành ở trình độ tiến sĩ đạt yêu cầu khi đạt từ điểm 5.5 trở lên theo thang điểm 10. Nếu đạt điểm dưới 5.5 thì NCS phải học lại học phần đó và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện.

4. Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo phối hợp với

Phòng Quản lý đào tạo, Khoa tổ chức thi; lên kết quả điểm trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra đào tạo quản lý và lưu trữ bài kiểm tra, bài thi, kết quả thi, kiểm tra theo quy định. Phòng Quản lý đào tạo thực hiện việc lập bảng điểm toàn khóa của NCS.

**Điều 22. Tổ chức chấm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ**

1. Cuối năm thứ nhất của thời gian đào tạo tính từ ngày ký Quyết định công nhận trúng tuyển đối với NCS có bằng thạc sĩ và giữa năm thứ hai đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ, NCS nộp tiểu luận tổng quan và đơn đề nghị chấm Tiểu luận tổng quan (theo mẫu) về Khoa. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa gửi Công văn kèm dự thảo Quyết định chấm Tiểu luận Tổng quan đề nghị Giám đốc Học viện ký ban hành.

2. Sau khi bảo vệ thành công Tiểu luận tổng quan, NCS gửi văn bản đề xuất 03 chuyên đề tiến sĩ về Khoa (theo mẫu). Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa gửi Công văn kèm dự thảo Quyết định đề nghị Giám đốc Học viện giao chuyên đề tiến sĩ cho NCS.

3. Cuối năm học thứ hai tính từ ngày có Quyết định công nhận trúng tuyển đối với NCS có bằng thạc sĩ và giữa năm thứ ba đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ, NCS hoàn thành và bảo vệ chuyên đề tiến sĩ. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa gửi Công văn kèm dự thảo Quyết định chấm chuyên đề tiến sĩ đề nghị Giám đốc Học viện ban hành.

4. Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ có 03 thành viên gồm Trưởng Tiểu ban, Ủy viên Thư ký và 01 Ủy viên; có học vị tối thiểu từ tiến sĩ trở lên, hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu của NCS. Người hướng dẫn khoa học của NCS không tham gia Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ.

5. Khoa tổ chức họp chấm Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ cho NCS. Việc chấm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm nội dung và kết quả trình bày của NCS trước Tiểu ban.

6. Điểm chấm Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ được tính theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5 điểm, là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên trong tiểu ban chấm. Kết quả chấm tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ được lập thành

biên bản (theo mẫu). Điểm đạt yêu cầu của Tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ là 5.5 trở lên. Nếu dưới 5.5 điểm thì NCS phải bảo vệ lại tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện.

### **Điều 23. Thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Trên cơ sở đề nghị của người hướng dẫn khoa học, NCS, Khoa/Bộ môn chuyên ngành, Giám đốc Học viện quyết định cho phép thay đổi một phần tên đề tài luận án nếu sự thay đổi không làm thay đổi hướng nghiên cứu. Việc thay đổi đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và chỉ thực hiện chậm nhất trong 24 tháng đầu kể từ khi NCS có quyết định công nhận trúng tuyển. Việc thay đổi đề tài luận án phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và đảm bảo thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy chế này.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn khoa học được thực hiện khi có lý do chính đáng và chậm nhất trước 24 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận trúng tuyển NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng. NCS làm đơn có sự đồng ý của người hướng dẫn khoa học. Trong trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện Quyết định.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời gian học tập của NCS còn tối thiểu 24 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng với ngành đào tạo của NCS ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận trúng tuyển NCS của cơ sở đào tạo nơi chuyển đi (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến quyết định.

Việc cho phép nghiên cứu sinh chuyển cơ sở đào tạo từ Học viện đến các cơ sở khác khi có lý do chính đáng và phải học tập và nghiên cứu ít nhất một kỳ tại Học viện. Nghiên cứu sinh từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến Học viện phải có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Giám đốc Học viện và nơi nghiên cứu sinh chuyển đi. Trong trường hợp đặc biệt, do Giám đốc Học viện xem xét và quyết định.

## **Điều 24. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập**

1. NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án hoàn thành trong thời hạn 3 năm (36 tháng) học tập trung đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm (48 tháng) học tập trung đối với người có bằng tốt nghiệp đại học (tính từ ngày có Quyết định công nhận NCS đến ngày Hội đồng đánh giá luận án cấp Khoa thông qua).

### **2. Gia hạn thời gian học tập**

Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định, trước khi hết hạn, NCS phải có đơn xin gia hạn thời gian học tập, kèm theo bản điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu được người hướng dẫn khoa học đồng ý. Việc kéo dài thời gian đào tạo chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và đảm bảo trong thời gian kéo dài NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung tại Học viện và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi gia hạn theo quy định của Học viện.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 38 của Quy chế này) thì Giám đốc Học viện quyết định cho NCS thôi học.

3. Giám đốc Học viện xem xét, quyết định cho phép NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nếu NCS hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này và không quá 1 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm Hội đồng cấp Khoa thông qua.

### **4. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:**

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định (kể cả thời gian gia hạn);

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định của Học viện và các quy định khác ở

mức độ buộc thôi học, vi phạm quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

### **Điều 25. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu**

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Khoa học xã hội;

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã học tại cơ sở Học viện và bị thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Học viện.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn (Hội đồng Khoa). Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Thời hạn được bảo lưu, xem xét công nhận và chuyển đổi không quá 2 năm kể từ khi hết hạn thời gian học tập nghiên cứu (kể cả thời gian gia hạn).

Trên cơ sở đơn đề nghị của NCS và đề xuất của Hội đồng Khoa, đề xuất sau khi thẩm định của Phòng Quản lý đào tạo, Giám đốc Học viện quyết định việc xem xét cho phép NCS được bảo lưu, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập của NCS.

## **Chương V**

### **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CÁ NHÂN, TỔ CHỨC LIÊN QUAN**

**Điều 26. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Giảng viên đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

## 2. Tiêu chuẩn giảng viên

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Giảng viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ, đã tốt nghiệp tối thiểu 03 năm (36 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

## **Điều 27. Tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng

dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Học viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Học viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Học viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

### **Điều 28. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Học viện và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Đề xuất để NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế của Học viện.

### **Điều 29. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo**

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn (Khoa/Bộ môn chuyên ngành); đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn (Khoa/Bộ môn chuyên ngành) về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của Học viện về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Học viện Khoa học xã hội.

### **Điều 30. Quyền và trách nhiệm của Khoa**

Khoa có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.
2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; Tổ chức đánh giá luận án của NCS cấp Khoa; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện
4. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Học viện.

## **Chương VI**

### **LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

#### **Điều 31. Luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng từ 130-170 trang A4.
2. Cấu trúc của luận án tiến sĩ được quy định trong Bộ thủ tục hành chính về hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện khoa học xã hội.
3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:
  - a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả (nếu có);
  - b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
  - c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 32. Đánh giá luận án cấp Khoa**

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án cấp Khoa
  - a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này;
  - b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá cấp Khoa;
  - c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công

bổ trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế;

e) Không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Khoa cụ thể được quy định trong Bộ thủ tục hành chính về hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện khoa học xã hội.

#### 4. Tổ chức đánh giá luận án cấp Khoa

a) Sau khi NCS đã đáp ứng các yêu cầu của Khoản 1 Điều này, Khoa tổ chức đánh giá luận án. Việc đánh giá luận án cấp Khoa là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 1 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

b) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án là 07 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 của Quy chế này; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài cơ sở đào tạo. Trên cơ sở đề xuất của Bộ môn chuyên ngành (nếu có), Trưởng Khoa đề xuất danh sách các nhà khoa học tham gia đánh giá luận án ở Khoa gồm Chủ tịch, Ủy viên Thư ký và các Ủy viên. Trong đó, có ít nhất 02 nhà khoa học ngoài cơ sở đào tạo ở 02 đơn vị chuyên môn khác nhau gửi Phòng Quản

lý đào tạo trình Giám đốc Học viện phê duyệt và ban hành Quyết định.

c) Phiên họp đánh giá luận án cấp Khoa được tổ chức 01 hoặc nhiều lần, cho đến khi Luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

d) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án). Nếu luận án không đạt yêu cầu, NCS hoàn thiện luận án và Khoa tổ chức đánh giá lại luận án cấp Khoa cho NCS cho đến khi đạt yêu cầu theo quy định.

e) Từng thành viên tham gia đánh giá luận án cấp Khoa phải có nhận xét luận án bằng văn bản. Diễn biến buổi đánh giá luận án phải được thể hiện đầy đủ trong Biên bản đánh giá luận án ở Khoa (theo mẫu).

g) Đánh giá luận án cấp Khoa không tổ chức phiên họp trong trường hợp vắng mặt Chủ tịch hoặc Ủy viên Thư ký hoặc vắng từ 02 thành viên của Hội đồng.

5. Trình tự họp đánh giá luận án cấp Khoa được quy định tại Bộ thủ tục hành chính về hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện.

### **Điều 33. Phản biện độc lập luận án**

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

Căn cứ vào kết quả đánh giá và các góp ý của người nhận xét luận án tại buổi đánh giá luận án cấp Khoa, NCS thực hiện việc sửa chữa luận án và nộp hồ sơ để lấy ý kiến phản biện độc lập tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày bảo vệ luận án cấp Khoa. Quá thời gian nêu trên, NCS phải bảo vệ lại cấp Khoa.

Hồ sơ gửi phản biện độc lập gồm:

- 01 bản giải trình các điểm đã bổ sung, sửa chữa của NCS theo kết luận của buổi đánh giá luận án ở Khoa/Bộ môn chuyên ngành, có chữ ký của NCS; xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, người hướng dẫn khoa học;

- 03 bản luận án đóng bìa mềm, trong đó 02 bản không có thông tin về NCS, người hướng dẫn khoa học và cơ quan công tác của NCS;

- 03 bản tóm tắt luận án, trong đó 02 bản không có thông tin về NCS, người hướng dẫn khoa học và cơ quan công tác của NCS;

- 03 bộ công trình nghiên cứu khoa học, trong đó 02 bộ không có các thông tin về NCS, cơ quan công tác của NCS.

Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Khoa thông qua, Học viện phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện. Người phản biện độc lập phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là những nhà khoa học, chuyên gia không phải là cán bộ của cơ sở đào tạo có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 27 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án. Không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án;

3. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Giám đốc Học viện trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án và quyết định cho NCS bảo vệ luận án.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo, đơn vị được giao thụ lý hồ sơ có trách nhiệm bảo mật thông tin của phản biện độc lập. Các Khoa/Bộ môn chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học và NCS không được tìm hiểu, tiếp xúc hoặc trao đổi với phản biện độc lập dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc luận án, các công trình khoa học đã

công bố của NCS và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp, đặc biệt đóng góp mới của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm cần bổ sung, sửa chữa của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án với các đề tài, luận án, luận văn, công trình khoa học khác đã công bố; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về nội dung, chất lượng những công trình đã công bố; những yêu cầu, đòi hỏi NCS phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án (nếu có).

Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Phản biện độc lập kết luận ở một trong 2 mức: 1. Đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện sau khi NCS đã sửa chữa, bổ sung theo góp ý của phản biện độc lập; 2. Không đồng ý để luận án được đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Học viện sẽ gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập lần đầu không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Học viện yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

Nếu gửi lại lần thứ hai, phản biện độc lập vẫn không đồng ý thì luận án bị trả về Khoa để NCS chỉnh sửa và Khoa phải tổ chức đánh giá lại luận án cấp Khoa như quy định tại Điều 34 của Quy chế này. Luận án sau khi sửa chữa phải được gửi lại để lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

6. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Học viện. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Phòng Quản lý đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

**Điều 34. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh**

## **giá luận án cấp Học viện**

1. Điều kiện để NCS được đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện:

a) Có Luận án hoàn chỉnh thể hiện là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Học viện về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liên chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

d) Không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện được quy định cụ thể trong Bộ thủ tục hành chính về hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện.

### **Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện**

1. Trên cơ sở danh sách đề xuất của Khoa, Phòng Quản lý đào tạo dự thảo, trình Giám đốc Học viện ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 27, riêng Ủy viên Thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

3. Số lượng thành viên Hội đồng

a) Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 03 người;

Giám đốc Học viện quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án của NCS các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại cơ sở.

b) Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Thư ký của Hội đồng, 03 Phản biện và các Ủy viên trong đó có 01 phản biện của cơ sở đào tạo và ít nhất 01 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là Giáo sư hoặc Phó Giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của NCS, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Học viện;

c) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện.

### **Điều 36. Đánh giá luận án cấp Học viện**

1. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Học viện (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện không tổ chức họp trong trường hợp Chủ tịch hoặc Thư ký Hội đồng hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt.

c) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện có thể tổ chức đánh giá luận án cấp Học viện trực tuyến nhưng phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên, Thư ký Hội đồng và 01 thành viên khác của Hội đồng;

d) Từng thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Học viện chậm nhất 15 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án của NCS. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án (theo mẫu);

e) Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa

học trong luận án trước phiên họp của Hội đồng;

f) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Học viện thực hiện; NCS và người hướng dẫn khoa học không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Giám đốc Học viện quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

3. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Học viện có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện cho NCS.

4. Trình tự họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện được quy định cụ thể trong Bộ thủ tục hành chính về hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện.

### **Điều 37. Tổ chức bảo vệ luận án**

a) Luận án được tổ chức bảo vệ công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 39 của Quy chế này.

Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, đạo đức khoa học, liêm chính học thuật qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người tham dự. Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

b) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS hoặc kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do;

c) Diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, trong đó phải thể hiện được các câu hỏi của các thành viên hội đồng và

phần trả lời của NCS. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Học viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

d) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

### **Điều 38. Đánh giá lại luận án cấp Học viện**

1. Trong trường hợp Luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, sau khi nhận đủ hồ sơ tại khoản 2 của Điều này, Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai. Lần bảo vệ thứ hai muộn nhất không quá 6 tháng tính từ ngày tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất.

2. Để bảo vệ luận án cấp Học viện lần thứ hai, NCS làm đơn có sự đồng ý của Giáo viên hướng dẫn gửi đến Khoa. Hồ sơ đề nghị bảo vệ lại luận án, ngoài các điều kiện hồ sơ như bảo vệ lần thứ nhất, NCS phải có Bản giải trình về việc bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án theo Kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện lần thứ nhất, có xác nhận của người hướng dẫn khoa học gửi đến Phòng Quản lý đào tạo.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó phải có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

4. Điều kiện và quy trình họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện lần thứ hai được thực hiện như đánh giá luận án cấp Học viện lần thứ nhất.

5. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

### **Điều 39. Đánh giá luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Giám đốc Học viện phải xác định tính chất bí mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận

NCS, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. NCS thực hiện luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 và điểm a khoản 1 Điều 38 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

## **Chương VII**

### **THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 40. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn 2, 4, 6, 8, 10, 12 trong năm, Học viện gửi danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện trong hai tháng trước đó (theo mẫu) đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ kiểm tra thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án được rút ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý theo định kỳ báo cáo hoặc khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

2. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo gồm:

a) Hồ sơ dự tuyển NCS có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá cấp Học viện của NCS quy định tại khoản 2 Điều 36 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS quy định tại khoản 2 Điều 43 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án gồm:

a) Bản luận án tiến sĩ không có thông tin về NCS, người hướng dẫn khoa

học và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án không có thông tin về NCS, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS, kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có) theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Đối với những luận án cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo sẽ thông báo cụ thể cho NCS.

#### **Điều 41. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ**

1. NCS được xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho Thư viện của Học viện (cả bản in và bản pdf) Luận án hoàn chỉnh cuối cùng kèm theo bản giải trình sửa chữa, bổ sung sau khi bảo vệ luận án cấp Học viện có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án, xác nhận của Phòng Quản lý đào tạo;

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và bản pdf) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng kèm theo bản giải trình sửa chữa, bổ sung sau khi bảo vệ luận án cấp Học viện có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo.

d) Đã kiểm tra trùng lặp luận án theo quy định.

e) Đã được Học viện đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên Cổng thông tin điện tử của Học viện (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Sau thời hạn quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, Giám đốc Học viện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án cấp Học viện trước khi họp thường kỳ Hội đồng xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ của Học viện để thông qua danh sách NCS được xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

3. Hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Học viện;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án;

đ) Giấy biên nhận đã nộp luận án, tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Học viện;

e) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án cấp Học viện, minh chứng đăng luận án hoàn chỉnh cuối cùng trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 39 Quy chế này.

4. Trên cơ sở kết quả hồ sơ xét tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo trình Giám đốc Học viện các thủ tục cấp bằng cho NCS trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

#### **Điều 42. Trình tự, thủ tục công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ**

1. Phòng Quản lý đào tạo chủ trì và phối hợp với Trung tâm Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và thanh tra đào tạo rà soát, kiểm tra các điều kiện và hồ sơ xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ của NCS. Phòng Quản lý đào tạo lập danh sách NCS đủ điều kiện được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ, Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ trình Giám đốc Học viện quyết định.

2. Giám đốc Học viện cấp bằng điểm học tập toàn khóa cho NCS kèm theo bằng tiến sĩ. Bảng điểm học tập toàn khóa của NCS do Giám đốc Học viện ký và đóng dấu. Trong bảng điểm học tập toàn khóa ghi đầy đủ thông tin: tên ngành đào tạo, tên học phần, tiểu luận tổng quan, tên chuyên đề tiến sĩ; số tín chỉ, điểm các lần thi của từng học phần; tên đề tài luận án, người hướng dẫn khoa học, danh sách Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện, kết quả bỏ phiếu đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện.

3. Phòng Quản lý đào tạo công bố công khai các thông tin liên quan về văn

bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của Học viện; lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập và cập nhật thông tin về NCS trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện.

4. Hằng năm, Học viện tổ chức trao bằng tiến sĩ cho những NCS đã được Giám đốc Học viện công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ. Việc trao bằng tiến sĩ được tổ chức theo quy định của Học viện. Phòng Quản lý đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc và Khoa chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho Lễ trao bằng tiến sĩ.

## **Chương VIII**

### **THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 43. Khiếu nại, tố cáo**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về các vi phạm Quy chế của Học viện, giảng viên và cán bộ quản lý trong quá trình tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện.

2. Việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về tố cáo.

#### **Điều 44. Thanh tra, kiểm tra**

1. Giám đốc Học viện có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra trong nội bộ đơn vị; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: các hoạt động trong tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý đào tạo; chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; hoạt động đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, các văn bản quy định, hướng dẫn của Học viện và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **Điều 45. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Học viện sẽ xử lý theo thẩm quyền đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm theo các quy định của pháp luật.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong

những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận NCS;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nêu cất bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 33 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 20 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm Quy chế này hoặc vi phạm pháp luật khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Giám đốc Học viện thành lập theo quy định tại Điều 21 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương IX**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 46. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin**

##### **1. Chế độ lưu trữ và công khai thông tin**

a) Học viện hoàn thành cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn



bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật và của Học viện Khoa học xã hội.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu I); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Học viện công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 47. Trách nhiệm của Học viện Khoa học xã hội**

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Học viện về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam và các quy định liên quan.

2. Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

3. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

4. Tăng cường liêm chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại cơ sở đào tạo;

5. Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

6. Lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy chế của Học viện về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

7. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khóa

học quy chế của Học viện và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh;

8. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Học viện và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

#### **Điều 48. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh sau ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận NCS trước ngày 15 tháng 8 năm 2021 thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 2888/QĐ-HVKHXH ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội, Quyết định số 2591/QĐ-HVKHXH ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 2888/QĐ-HVKHXH ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội và các quy định khác có liên quan của Học viện.

3. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm xây dựng Bộ thủ tục hành chính về hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện trình Giám đốc Học viện phê duyệt, ban hành để thực hiện Quy chế này.

4. Trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện, nếu có những điều, khoản chưa phù hợp cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Học viện xem xét và quyết định./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh**